TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **28**/2020/QĐST-HNGĐ	*Lâm Hà, ngày 27 tháng 02 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 427/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019, giữa;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Lê Thành N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lê Thành N.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao con là Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2011 cho anh Lê Thành N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; giao con là Lê Thị Minh H, sinh ngày 09/8/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Anh Lê Thành N đồng ý thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 40.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007137 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 3.150.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy